CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Vận tải biển VINASHIP

Ngày 31/12/2024	22,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-**	**-2.6%**

DT thuần
Q4/24
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.0| -6.4%
YoY: ▲ 19.0| 13.8%

LN thuần
Q4/24
-9.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.80| -152%
YoY: ▲ 5.88| 37.9%

LN sau thuế
Q4/24
41.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.7| 1171%
YoY: ▲ 9.80| 30.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
13.4%
YoY: +/-▲ 5.3%

ROE
2024
12.0%
YoY: +/-▲ 4.9%

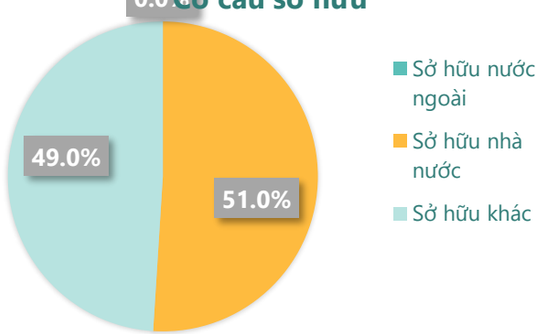
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,341 - 27,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	755
Số lượng CPLH (CP)	33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,025
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	2.27
EPS	1,933
P/E	11.5

DT thuần
2024
621
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0| 4.5%

LN thuần
2024
-11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00| -9.1%

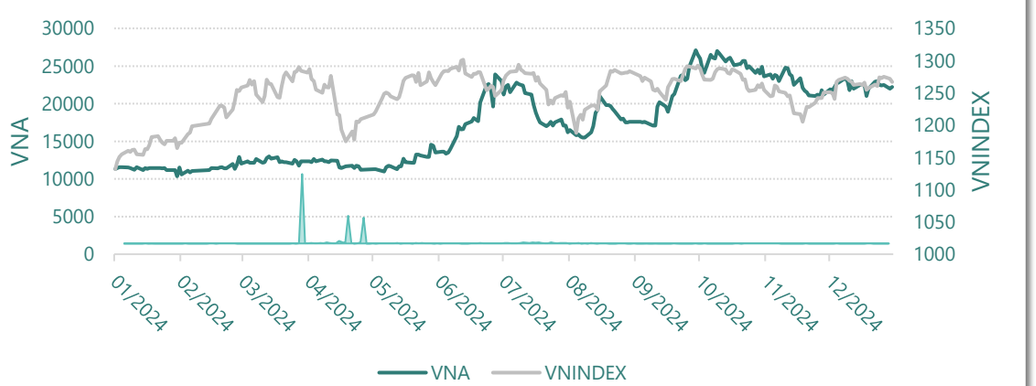
LN sau thuế
2024
65.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.7| 82.4%

Cơ cấu sở hữu

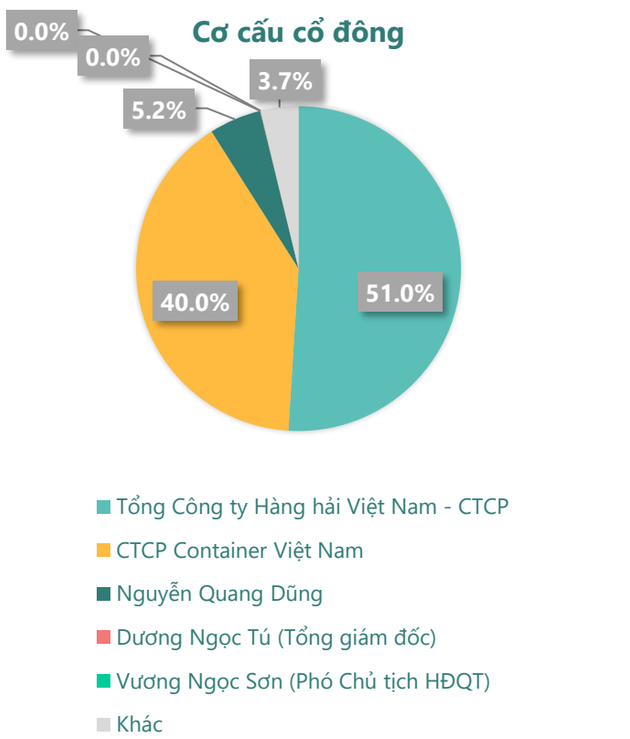


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



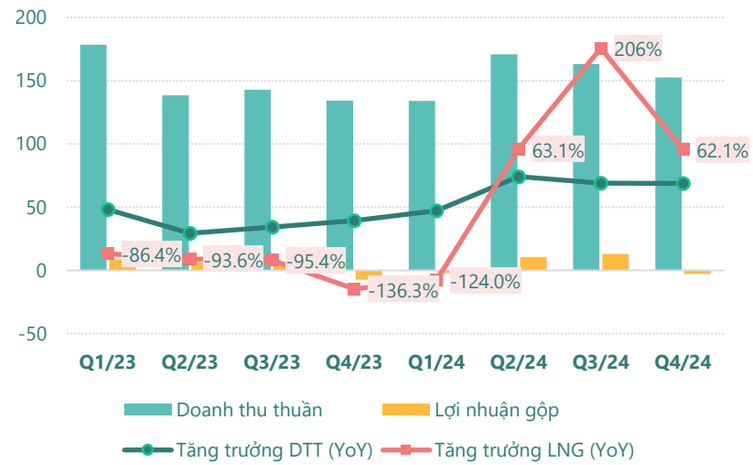
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

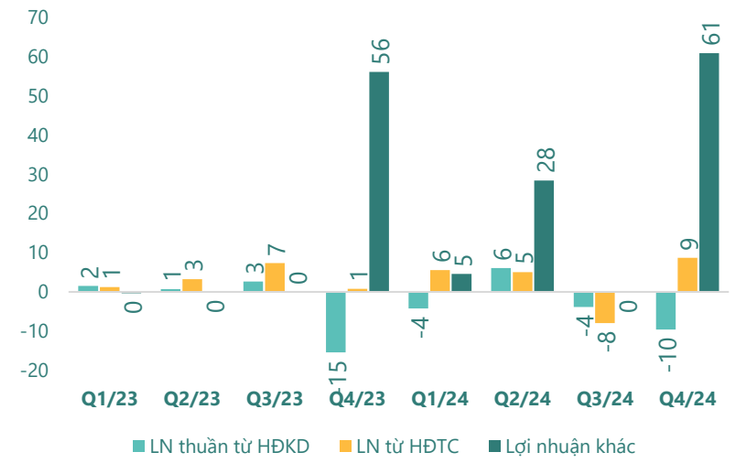
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



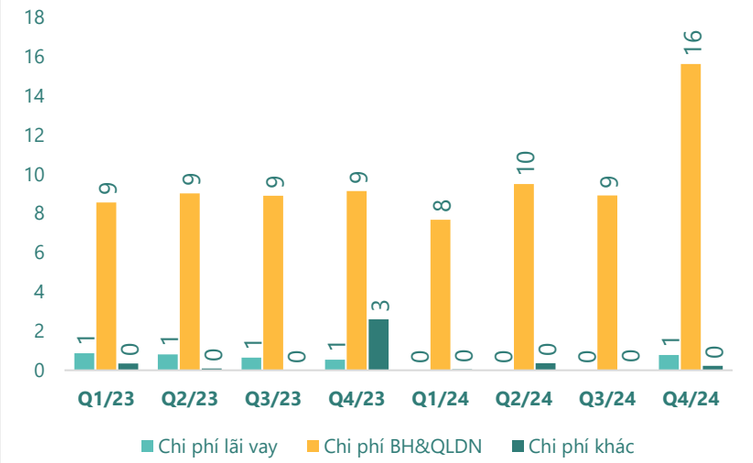
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



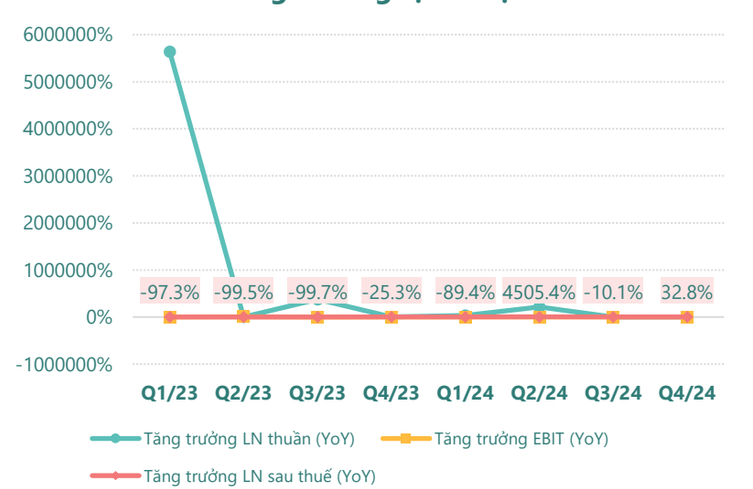
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



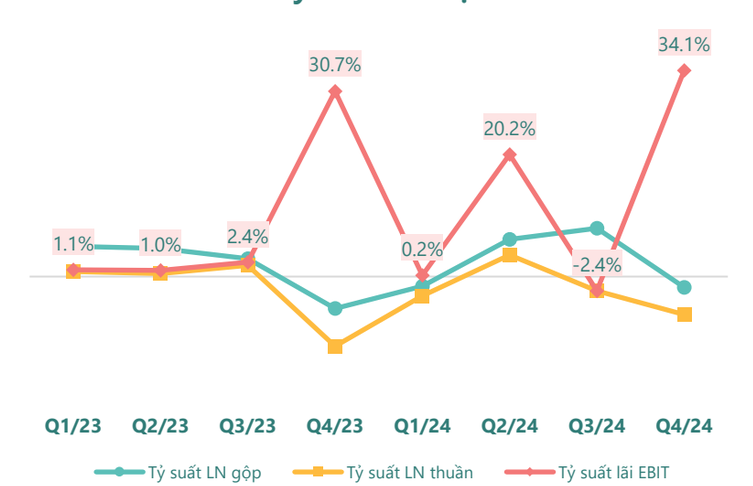
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



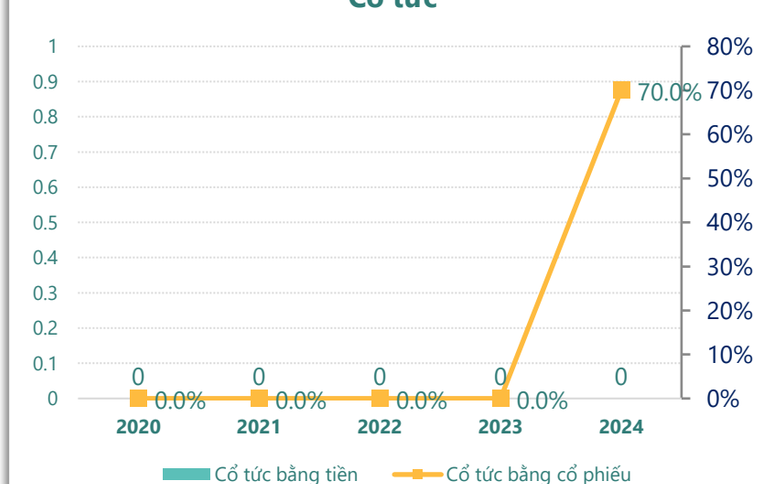
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

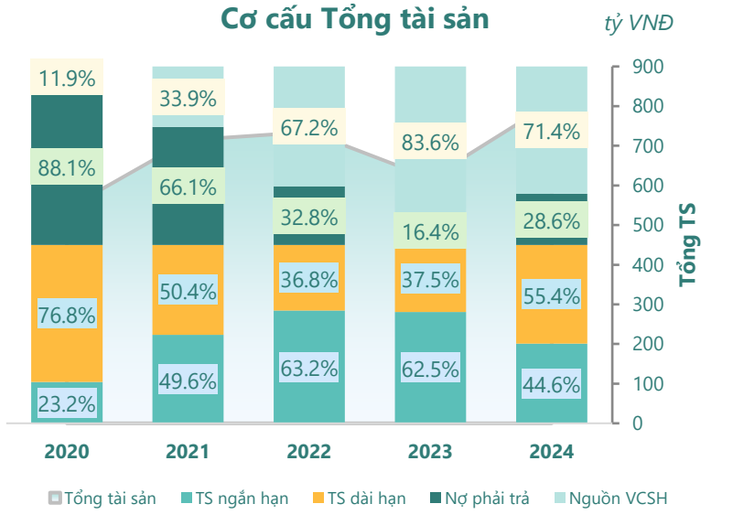
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

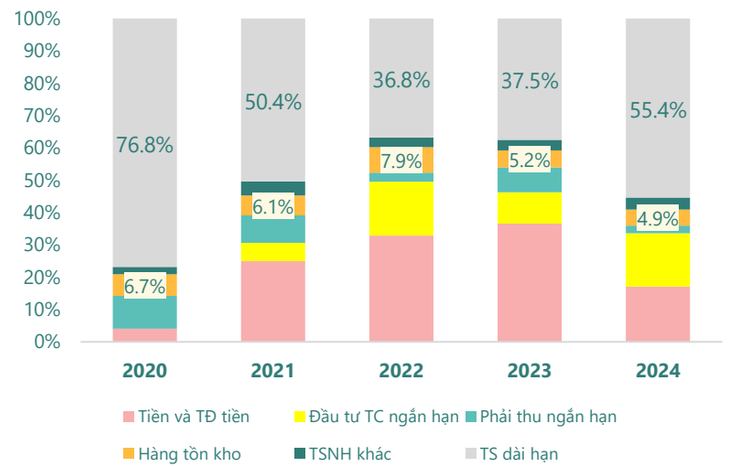
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



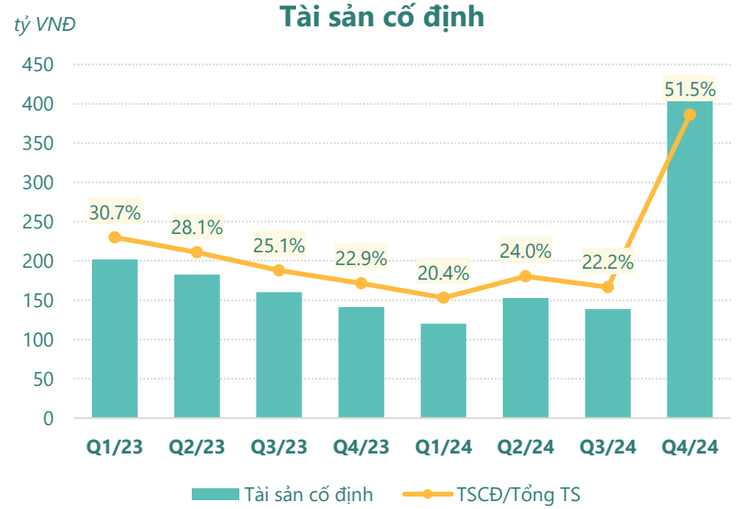
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



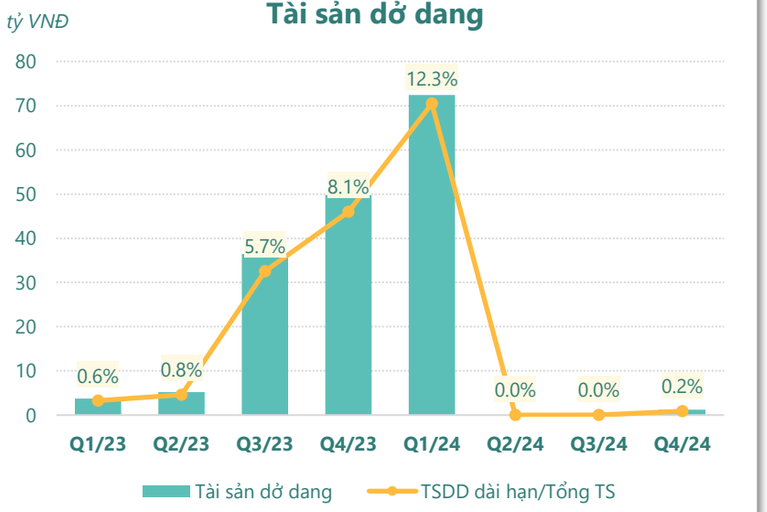
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



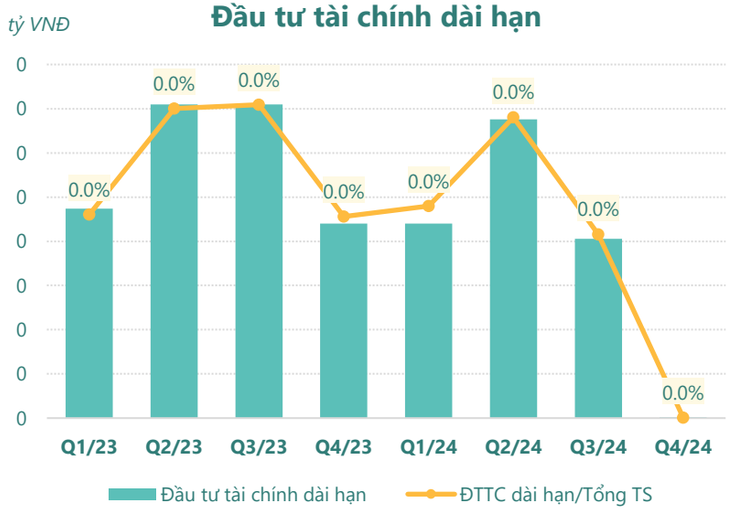
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



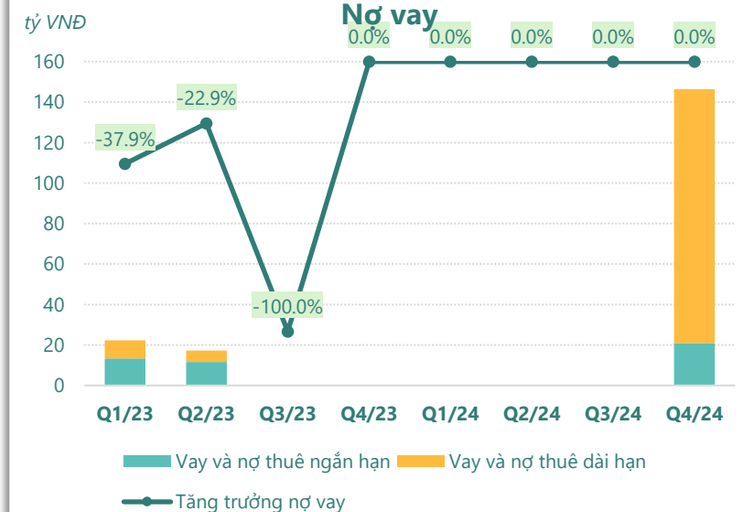
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

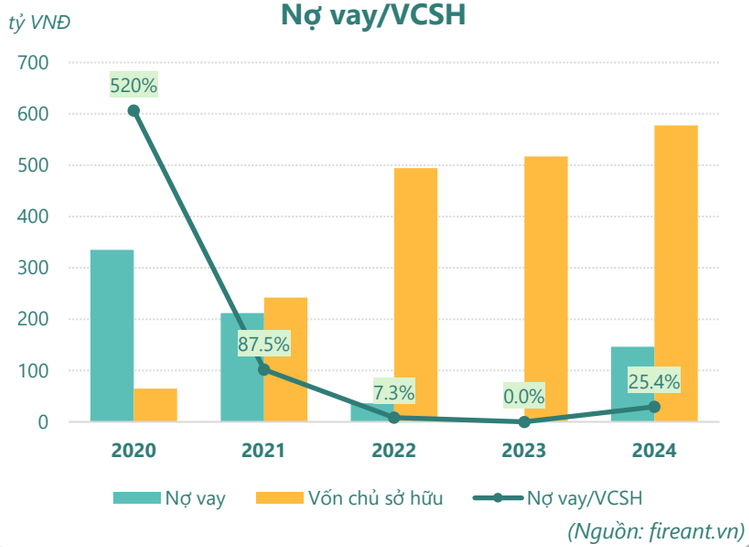
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

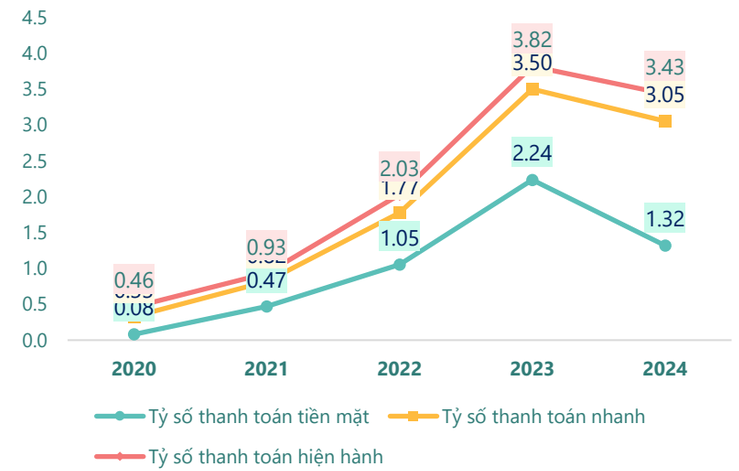
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



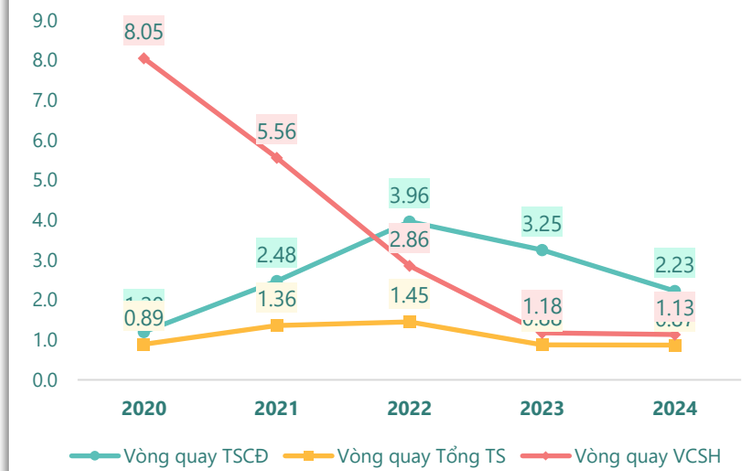
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



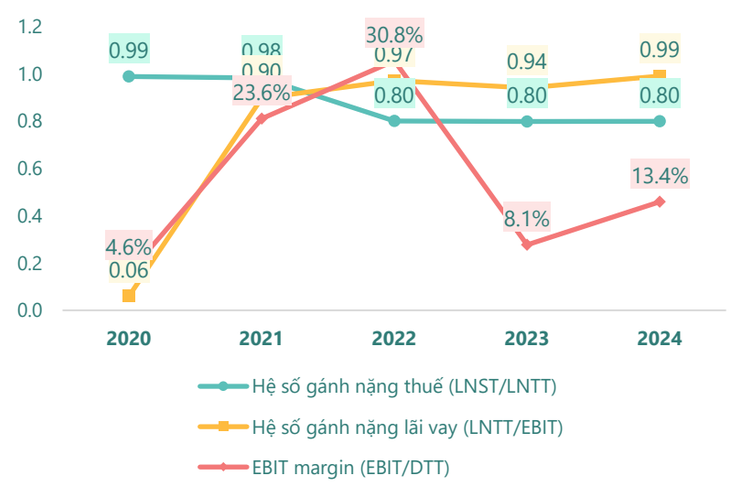
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



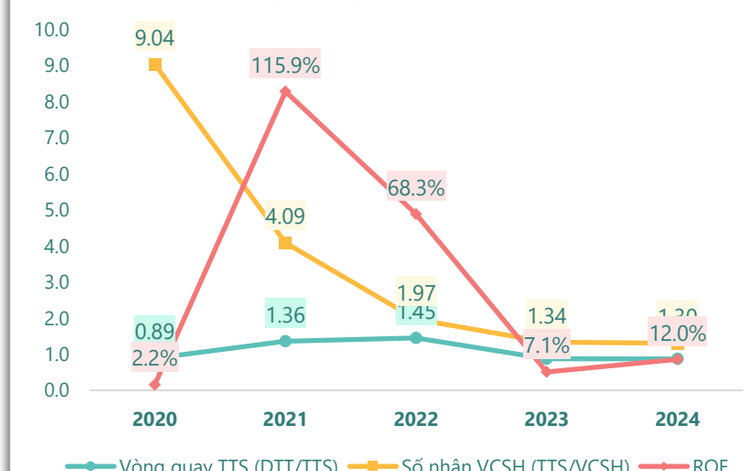
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



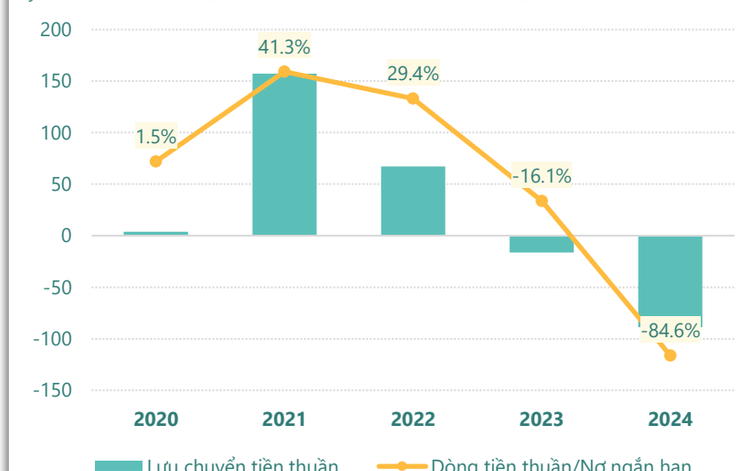
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**153**	**134**	**13.8%**	**621**	**594**	**4.5%**
Giá vốn hàng bán	155	141	10.1%	602	581	3.5%
Lợi nhuận gộp	-2.69	-7.09	62.1%	18.8	12.5	50.0%
Doanh thu HĐTC	9.90	2.85	247%	15.6	21.3	-27.1%
Chi phí TC	1.20	2.07	-42.1%	4.18	8.84	-52.7%
Chi phí lãi vay	0.78	0.53	47.5%	0.78	2.86	-72.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.33	3.15	5.6%	9.55	11.8	-19.3%
Chi phí QLDN	**12.3**	**5.99**	**105%**	**32.2**	**23.8**	**35.3%**
LN thuần từ HĐKD	-9.62	-15.5	37.9%	-11.6	-10.6	-9.1%
Lợi nhuận khác	**60.9**	**56.1**	**8.5%**	**93.8**	**55.7**	**68.3%**
LN trước thuế	51.2	40.6	26.2%	82.2	45.1	82.2%
Lợi nhuận sau thuế	**41.8**	**32.0**	**30.6%**	**65.7**	**36.0**	**82.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**41.8**	**32.0**	**30.6%**	**65.7**	**36.0**	**82.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.6	10.2	-17.1	21.3	7.65	20.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.29	13.9	-22.7	66.7	-0.65	-304
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.2	0	0	0	-2.60	142
Tiền đầu kỳ	202	205	226	189	279	272
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.97**	**24.0**	**-39.7**	**88.0**	**4.41**	**-142**
Ảnh hưởng tỷ giá	4.77	-3.65	2.92	1.35	-10.5	7.71
Tiền cuối kỳ	205	226	189	279	272	139

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**809**	**618**	**30.9%**
Tài sản ngắn hạn	361	386	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	139	226	-38.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	133	60.0	122%
Phải thu ngắn hạn	19.1	47.6	-60.0%
Hàng tồn kho	39.9	32.1	24.4%
Tài sản ngắn hạn khác	30.2	20.3	48.9%
Tài sản dài hạn	**448**	**232**	**93.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	416	141	195%
Bất động sản đầu tư	2.64	3.43	-23.1%
Tài sản dở dang	1.22	49.7	-97.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.09	-99.6%
Tài sản dài hạn khác	**27.7**	**37.4**	**-25.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	232	101	129%
Nợ ngắn hạn	**105**	**101**	**3.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.9	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	15.8	75.0%
Nợ dài hạn	127	0.21	61523%
Vay và nợ thuê dài hạn	125	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**577**	**517**	**11.7%**
Vốn chủ sở hữu	**577**	**517**	**11.7%**
Vốn điều lệ	340	200	70.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)